

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102459018, đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, thay đổi lần thứ tư ngày 30/07/2010.

Công ty đăng ký trụ sở chính tại số 81 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu VLA.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Vũ Trung Chính	Ủy viên
Ông Lê Thành Anh	Ủy viên
Ông Đặng Việt Mạnh	Ủy viên
Ông Lê Hoài Thanh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Vũ Trung Chính	Giám đốc
--------------------	----------

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

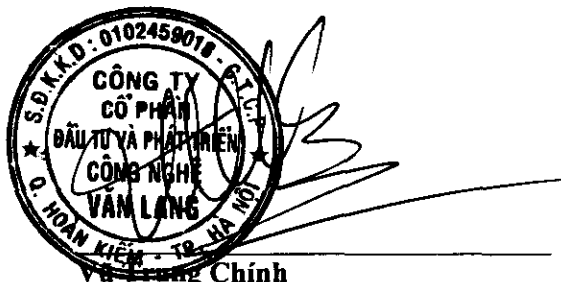
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý đảm bảo Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Số: 101/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 19 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)

Thành viên đại diện Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2011

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.819.426.441	11.545.517.758
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.985.134.383	3.376.696.999
1. Tiền	111		85.134.383	2.376.696.999
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.900.000.000	1.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	4.012.000.000	7.187.018.948
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.021.979.518	7.367.018.948
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.009.979.518)	(180.000.000)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		747.936.220	493.461.355
1. Phải thu khách hàng	131		741.929.977	454.221.355
2. Trả trước cho người bán	132		6.006.243	39.240.000
IV- Hàng tồn kho	140		-	192.603.057
1. Hàng tồn kho	141	5.3	-	192.603.057
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		74.355.838	295.737.399
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	-	62.344.999
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		13.355.838	16.984.297
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	61.000.000	216.408.103
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.024.140.981	185.242.868
II Tài sản cố định	220		373.420.981	185.242.868
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	373.420.981	185.242.868
- Nguyên giá	222		832.511.426	357.032.610
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(459.090.445)	(171.789.742)
III. Bất động sản đầu tư	240	5.7	7.650.720.000	-
1. Nguyên giá	241		7.650.720.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		14.843.567.422	11.730.760.626

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.549.669.997 ✓	515.929.618 ✓
I- Nợ ngắn hạn	310		1.549.669.997 ✓	515.929.618 ✓
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	500.000.000 ✓	-
2. Phải trả người bán	312		391.274.304 ✓	148.500.400 ✓
3. Người mua trả tiền trước	313		57.555.000 ✓	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	97.816.699 ✓	39.602.292 ✓
5. Phải trả người lao động	315		139.943.475 ✓	198.599.981 ✓
6. Chi phí phải trả	316		18.333.333 ✓	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.10	64.802.459 ✓	24.083.146 ✓
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	321		279.944.727 +	105.143.799 ✓
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.11	13.293.897.425 ✓	11.214.831.008 ✓
I- Vốn chủ sở hữu	410		13.293.897.425 ✓	11.214.831.008 ✓
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.800.000.000 ✓	10.800.000.000 ✓
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		208.687.955 ✓	86.389.930 ✓
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		242.692.655 ✓	120.394.630 ✓
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.042.516.815 ✓	208.046.448 ✓
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			14.843.567.422 ✓	11.730.760.626 ✓
(440 = 300+400)	440			



Vũ Trung Chính
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Hoàng Thị Xuân Hòa
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.584.662.847	4.976.314.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.12	7.584.662.847	4.976.314.756
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	4.729.946.335	3.338.510.004
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.854.716.512	1.637.804.752
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	2.721.988.153	255.353.264
7. Chi phí tài chính	22	5.15	1.161.136.083	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		269.166.665	-
8. Chi phí bán hàng	24		93.616.334	60.553.164
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.443.390.482	938.953.127
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.878.561.766	893.651.725
11. Thu nhập khác	31		1.129.090	17.662.714
12. Chi phí khác	32		8.438.307	17.662.714
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(7.309.217)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.871.252.549	893.651.725
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.16	425.292.057	29.752.425
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.445.960.492	863.899.300
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.17	2.265	2.365



Vũ Trung Chính
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Hoàng Thị Xuân Hòa
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01		7.736.223.040	4.672.277.131
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH&DV	02		(2.947.310.523)	(2.573.701.216)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.536.739.237)	(1.407.020.156)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(250.833.332)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(421.663.598)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		520.066.103	431.898.346
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(836.726.883)	(586.567.456)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		1.263.015.570	536.886.649
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21		(8.161.059.959)	(229.031.173)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.129.090	17.662.714
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.000.000.000	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.901.674.900)	(7.840.318.721)
6. Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.478.380.000	1.695.947.297
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		428.647.583	291.799.589
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.154.578.186)	(5.063.940.294)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	7.430.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(230.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.500.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(90.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		500.000.000	7.110.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.391.562.616)	2.582.946.355
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.376.696.999	793.750.644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61			
Tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	1.985.134.383	3.376.696.999



Trần Thị Xuân Hòa
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Handwritten signature

Hoàng Thị Xuân Hòa
 Kế toán trưởng

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102459018, đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, thay đổi lần thứ tư ngày 30/07/2010, vốn điều lệ là 10.800.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập của Công ty gồm:

Tên cổ đông	Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	81 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Nguyễn Thanh Tùng	B15 Ngõ 191/46, Lạc Long Quân - Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội
Lê Thành Anh	P910 OCT2 - ĐN2 Bắc Linh Đàm - Đại Kim - Hoàng Mai - Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tàng, quản lý xuất bản, siêu thị;
- Xây dựng hệ thống website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;
- Buôn bán máy tính, dịch vụ bảo trì hệ thống, đại lý cung cấp phần mềm;
- Đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Quản trị doanh nghiệp và chuyên giao công nghệ điện tử, tin học, dịch vụ thương mại;
- Phát triển kinh doanh, đầu tư dự án;
- Tổ chức hội trợ triển lãm, hội nghị, hội thảo;
- Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ điện tử và thông tin thị trường (trừ thông tin Nhà nước cấm);
- Buôn bán bán thảo;
- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm ngành giáo dục;
- In và các dịch vụ liên quan đến in (theo quy định của pháp luật hiện hành);
- Kinh doanh đồ dùng thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng;
- Tổ chức hoạt động sáng tác, phóng tác, chuyển thể, nghiên cứu, dịch thuật sách giáo dục;
- Kinh doanh siêu thị.
- Kinh doanh bất động sản.

Trong năm, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: bán máy tính, thiết bị văn phòng, phần mềm, cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống và truyền số liệu.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Áp dụng Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán so với năm trước, cụ thể:

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Công ty áp dụng khấu hao nhanh gấp hai lần so với thời gian sử dụng tối thiểu, cụ thể:

	<u>Năm 2010</u> <u>(năm)</u>	<u>Năm 2009</u> <u>(năm)</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5	1,5

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả iố mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo quy định hiện hành, khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm của Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% trong vòng 9 năm kế tiếp và được hưởng thuế suất 10% trong vòng 15 năm đầu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty, các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	7.399.515	26.119.774
Tiền gửi ngân hàng	77.734.868	2.350.577.225
Các khoản tương đương tiền (*)	1.900.000.000	1.000.000.000
Tổng	1.985.134.383	3.376.696.999

(*): Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng.

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	330.000	5.021.979.518	135.000	2.367.018.948
<i>Cty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây - HEET</i>	125.000	2.000.000.000	125.000	2.000.000.000
<i>Cty CP Nhiệt điện Ninh Bình - NBP</i>	5.000	181.979.518	5.000	181.979.518
<i>Cty CP Sách và Thiết bị trường học TP.HCM - STC</i>	-	-	5.000	185.039.430
<i>Cty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam - SED (1)</i>	200.000	2.840.000.000	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	5.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</i>	-	-	-	5.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.009.979.518)	-	(180.000.000)

(1): Trong đó, khoản đầu tư 200.000 Cổ phiếu mã SED với giá mua 2.840.000.000 đồng được thực hiện Thông qua Hợp đồng ủy thác mua bán chứng khoán với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thiên Hóa số 02/UTMBCK-VLA2010 ngày 01/10/2010 và Phụ lục Hợp đồng số 002/UTMBCK-VLA/2010 ngày 05/10/2010. Tổng số tiền ủy thác là 2.840.000.000 đồng để mua chứng khoán mã SED. Thời gian thực hiện hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký. Phí môi giới là 0,5% trên tổng giá trị giao dịch mua bán chứng khoán thành công (không bao gồm thuế và các khoản phí chuyển nhượng theo quy định của tổ chức phát hành).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.3 Hàng tồn kho	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	192.603.057
Tổng	-	192.603.057
5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	-	62.344.999
Tổng	-	62.344.999
5.5 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	61.000.000	210.800.000
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	5.608.103
Tổng	61.000.000	216.408.103
5.6 Tài sản cố định hữu hình	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2010	357.032.610	357.032.610
Tăng trong năm	510.339.959	510.339.959
Mua trong năm	510.339.959	510.339.959
Giảm trong năm	34.861.143	34.861.143
Thanh lý, nhượng bán	34.861.143	34.861.143
Số dư tại 31/12/2010	832.511.426	832.511.426
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2010	171.789.742	171.789.742
Tăng trong năm	313.723.539	313.723.539
Khấu hao trong năm	313.723.539	313.723.539
Giảm trong năm	26.422.836	26.422.836
Thanh lý, nhượng bán	26.422.836	26.422.836
Số dư tại 31/12/2010	459.090.445	459.090.445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2010	185.242.868	185.242.868
Tại 31/12/2010	373.420.981	373.420.981

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất tại dự án Mễ Trì Hạ, Từ Liêm, Hà Nội. Tài sản được đầu tư theo Nghị quyết số 06/2010 ngày 12/4/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty với mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

5.8 Vay ngắn hạn

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thiên Hóa	500.000.000	-
Tổng	<u>500.000.000</u>	<u>-</u>

Hợp đồng vay vốn số 10-2010TC/2010/HĐVV-TH/VLA ngày 05/10/2010, thời gian vay 06 tháng kể từ ngày 05/10/2010 đến ngày 04/05/2011, mục đích vay vốn: phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất 15%/năm, thanh toán vào ngày 05 hàng tháng tiền lãi suất tháng trước.

5.9 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	58.435.601	39.602.292
Thuế thu nhập cá nhân	39.381.098	-
Tổng	<u>97.816.699</u>	<u>39.602.292</u>

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	33.676.236	4.531.020
Bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm thất nghiệp	6.486.787	14.950
Phải trả khác	24.639.436	19.537.176
Tổng	<u>64.802.459</u>	<u>24.083.146</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.11 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại 01/01/2009	3.000.000.000	-	-	31.650.000	346.376.003	3.378.026.003
Tăng trong năm	7.800.000.000	230.000.000	86.389.930	88.744.630	863.899.300	9.069.033.860
Vốn góp bằng tiền	7.200.000.000	-	-	-	-	7.200.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	600.000.000	-	-	-	-	600.000.000
Mua lại cổ phiếu	-	230.000.000	-	-	-	230.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	863.899.300	863.899.300
Phân phối quỹ	-	-	86.389.930	88.744.630	-	175.134.560
Giảm trong năm	-	230.000.000	-	-	1.002.228.855	1.232.228.855
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000
Chia cổ tức 2008	-	-	-	-	90.000.000	90.000.000
Bán cổ phiếu quỹ	-	230.000.000	-	-	-	230.000.000
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	312.228.855	312.228.855
Tại 31/12/2009	10.800.000.000	-	86.389.930	120.394.630	208.046.448	11.214.831.008
Tại 01/01/2010	10.800.000.000	-	86.389.930	120.394.630	208.046.448	11.214.831.008
Tăng trong năm	-	-	122.298.025	122.298.025	2.445.960.492	2.690.556.542
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.445.960.492	2.445.960.492
Phân phối các quỹ	-	-	122.298.025	122.298.025	-	244.596.050
Giảm trong năm	-	-	-	-	611.490.125	611.490.125
Tạm trích quỹ	-	-	-	-	611.490.125	611.490.125
Tại 31/12/2010	10.800.000.000	-	208.687.955	242.692.655	2.042.516.815	13.293.897.425

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.080.000.000	1.080.000.000
- Lê Thành Anh	120.000.000	120.000.000
- Nguyễn Thanh Tùng	120.000.000	120.000.000
- Công ty CP Đầu tư tài chính Thiên Hóa	2.064.000.000	2.064.000.000
- Cổ đông khác	7.416.000.000	7.416.000.000
Tổng	10.800.000.000	10.800.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	10.800.000.000	3.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	7.800.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	10.800.000.000	10.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	611.490.125	1.002.228.855
Chia cổ tức	-	690.000.000
- Bằng tiền	-	90.000.000
- Bằng cổ phiếu	-	600.000.000
Phân phối lợi nhuận vào các quỹ (*)	611.490.125	312.228.855
- Quỹ dự phòng tài chính	122.298.025	88.744.630
- Quỹ khen thưởng ban điều hành	122.298.025	45.694.965
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	244.596.050	91.399.330
- Quỹ đầu tư phát triển	122.298.025	86.389.930

(*): Phân phối theo nghị quyết của đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 01/2010/NQ-DHĐCĐ.

d. Cổ phiếu

	Năm 2010 (Cổ phiếu)	Năm 2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.080.000	1.080.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.080.000	1.080.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.080.000	1.080.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.080.000	1.080.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.080.000	1.080.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.199.261.760,	1.154.197.757,
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.385.401.087,	3.822.116.999,
<i>Trong đó: Sản xuất phần mềm và dịch vụ liên quan</i>	3.766.454.000,	1.911.600.000,
Tổng	7.584.662.847,	4.976.314.756,

5.13 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hàng bán	1.765.432.679,	1.043.682.965,
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.964.513.656,	2.294.827.039,
<i>Trong đó: Sản xuất phần mềm và dịch vụ liên quan</i>	2.009.862.899,	831.272.970,
Tổng	4.729.946.335,	3.338.510.004,

5.14 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	298.383.694,	205.551.783,
Lãi đầu tư cổ phiếu	2.293.340.570,	45.801.481,
Cổ tức, lợi nhuận được chia	130.263.889,	4.000.000,
Tổng	2.721.988.153,	255.353.264,

5.15 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Phí mua, bán cổ phiếu	61.989.900,	
Trích lập quỹ dự phòng đầu tư ngắn hạn	829.979.518,	
Chi phí lãi vay	269.166.665,	-
Tổng	1.161.136.083,	-

5.16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.871.252.549,	893.651.725,
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	1.170.084.322,	723.637.868,
<i>Cổ tức, lãi được chia từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>130.263.889,</i>	<i>4.000.000,</i>
<i>Thu nhập được miễn thuế từ hoạt động sản xuất phần mềm</i>	<i>1.039.820.433,</i>	<i>719.637.868,</i>
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.701.168.227,	170.013.857,
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>425.292.057</u>	<u>29.752.425</u>

5.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.445.960.492,	863.899.300,
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.445.960.492,	863.899.300,
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành BQ trong năm	1.080.000,	365.227,
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>2.265</u>	<u>2.365</u>

5.18 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	7.019.000
Chi phí nhân công	2.724.225.898	1.655.074.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	314.213.936	113.865.833
Chi phí mua ngoài	827.125.853	1.360.418.610
Chi phí khác bằng tiền	635.954.785	157.954.957
Tổng	<u>4.501.520.472</u>	<u>3.294.333.330</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2010</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2009</u> <u>VND</u>
<u>Giao dịch bán hàng</u>			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Có vốn góp của NXB Giáo dục	130.000.000	84.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Có vốn góp của NXB Giáo dục	4.621.193.890	3.567.199.376
Cty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục HN	Có vốn góp của NXB Giáo dục	280.131.545	193.471.681
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Có vốn góp của NXB Giáo dục	805.540.687	688.609.300
Công ty CP Sách TBTH Hà Tây	Có vốn góp của NXB Giáo dục	198.090.916	50.019.047
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục HN	Có vốn góp của NXB Giáo dục	327.686.360	289.951.907

Giao dịch mua hàng hóa dịch vụ, lãi vay

Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hoá	Có vốn góp của NXB Giáo dục	330.841.565	-
Công ty Cổ phần in Diên Hồng	Có vốn góp của NXB Giáo dục	15.000.000	-
NXB Giáo dục tại Hà Nội	Có vốn góp của NXB Giáo dục	46.658.873	-

b. Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung</u>	<u>31/12/2010</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2009</u> <u>VND</u>
<u>Số dư phải thu</u>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Có vốn góp của NXB Giáo dục	415.651.970	355.377.355
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Có vốn góp của NXB Giáo dục	42.018.000	-
Cty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hoá	Có vốn góp của NXB Giáo dục	3.240.000	5.000.000.000
<u>Số dư phải trả</u>			
NXB giáo dục tại Hà Nội	Có vốn góp của NXB Giáo dục	51.324.761	-
NXB giáo dục tại Đà Nẵng	Có vốn góp của NXB Giáo dục	1.204.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan(Tiếp theo)

c. Giao dịch với các nhân sự và cổ đông chủ chốt

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	351.306.138	284.437.851*


6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM).

Một số khoản mục được trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm 2010 theo thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.



Vũ Trung Chính
Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011


Hoàng Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng

